

Số: /BCT-TTBVTV

Quảng Trị, ngày

tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2024 đến ngày 15 tháng 4 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Thời tiết trong tháng qua phổ biến ngày trời nắng, đầu tháng 4 (01-05/4) nắng nóng gay gắt, nhiệt độ TB 29°C, cao nhất 39-40 °C; ẩm độ TB 80-85%. Nhìn chung thời tiết khá thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng phát triển đồng thời cũng tạo điều kiện cho các loại sâu bệnh phát sinh gây hại nhiều nơi.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2023-2024	Sớm	Chín sấp - thu hoạch	1.500	20
	Chính vụ	Chín sữa chín sấp	23.269	-
	Muộn	Trở - chín sữa	1.200	-
	Tổng		25.969	-

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Phát triển thân lá	11.000
- Cây ngô	Trở cò, phun râu - PT bắp - thu hoạch	3.500
- Cây lạc	PT quả	3.000
- Cây công nghiệp:		
<i>Hồ tiêu</i>	Phát triển quả	2.153,6
<i>Cao su</i>	Ra lá mới	18.800,7
<i>Cà phê</i>	Ra hoa - đậu quả	3.942,8

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Không

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU TỪ 16/3/2024-15/4/2024

1. Trên cây lúa: Chuột DTN 816 ha (giảm 230 ha so với kỳ trước, giảm 202 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó hại nặng 34 ha, tỷ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 20-22%; bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại nhiều nơi, cao điểm gây hại DTN 660 ha (tăng 18 ha so với tháng trước, tăng 306 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 59 ha, do các địa phương tích cực phòng trừ nên không ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây lúa; sâu cuốn lá nhỏ DTN 220 ha (tăng 168 ha so với tháng trước, giảm 14 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô vằn DTN 573 ha (tháng trước bệnh phát sinh rải rác, tương đương cùng kỳ năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 20-25%, nơi cao 40-45%; rầy các loại, bệnh lem lép hạt bắt đầu gây hại từ đầu tháng 4 trong đó rầy DTN 27 ha (tăng 15 ha so với cùng kỳ năm trước), mật độ phổ biến 500-800 con/m², nơi cao 2.000-3.000 con/m²; bệnh lem lép hạt DTN 120 ha (tương đương cùng kỳ năm trước), tỷ lệ bệnh phổ biến 10-15%. Ngoài ra, bệnh đốm sọc vi khuẩn, đốm nâu hại nhẹ vài nơi, bệnh đạo ôn cổ bông hại cục bộ một số vùng.

2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu DTN 25 ha (tương đương tháng trước, giảm 48 ha so với cùng kỳ năm trước, mật độ phổ biến 1-4 con/m², nơi cao 5-6 con/m²).

3. Trên cây hồ tiêu: Riêng tuyến trùng DTN giảm nhẹ so với tháng trước, các đối tượng còn lại DTN và mức độ gây hại tương đương tháng trước, cụ thể: Tuyến trùng DTN 209 ha (giảm 20 ha so với tháng trước, giảm 50 ha so với cùng kỳ năm trước); Bệnh thán thư DTN 149 ha (như tháng trước, giảm 26 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết chậm DTN 142 ha (tăng 5 ha so với tháng trước, giảm 16 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh chết nhanh DTN 19 ha (giảm 4 ha so với tháng trước, giảm 4 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh đốm lá DTN 89 ha (như tháng trước, giảm 6 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp sáp DTN 21 ha (tăng 5 ha so với tháng trước, giảm 24 ha so với cùng kỳ năm trước).

4. Trên cây cà phê (Hướng Hóa): Bệnh rỉ sắt DTN 695 (giảm 73 ha so với tháng trước, giảm 45 ha so với cùng kỳ năm trước); rệp DTN 130 ha (tăng 60 ha so với tháng trước, giảm 65 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh thán thư DTN 665 ha (giảm 10 ha so với tháng trước, tăng 105 ha so với cùng kỳ năm trước); bệnh khô cành DTN 795 ha (như tháng trước, tăng 60 ha so với cùng kỳ năm trước).

5. Trên cây cao su: Bệnh xì mù DTN 148 ha (giảm 8 ha so với tháng trước, tăng 7 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh loét sọc mặt cạo DTN 275 ha (giảm 21 ha so với tháng trước, tăng 73 ha so với cùng kỳ năm trước), bệnh phấn trắng DTN 632 ha (tăng 272 ha so với tháng trước, giảm 833 ha so với cùng kỳ năm trước).

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại nhiều nơi, DTN 900 ha (tăng 205 ha so với tháng trước, tăng 801 ha so với cùng kỳ năm trước) trong đó nhiễm nặng 190 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30-40%, cục bộ có nơi 70-80%.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu từ 16/4/2024-15/5/2024

1.1. Trên cây lúa: Chuột tiếp tục cắn phá ảnh hưởng đến năng suất lúa cuối vụ; rầy các loại tiếp tục gia tăng mật độ, gây hại các vùng và có thể gây cháy cục bộ giai đoạn lúa chín sữa - chín sấp; bệnh khô vằn, đốm sọc vi khuẩn, lem lép hạt... tiếp tục gây hại nặng dần về cuối vụ; bệnh đạo ôn cổ bông tiếp tục phát sinh gây hại, nhất là

những vùng đã nhiễm đạo ôn lá nặng, vùng ổ dịch, vùng gieo trồng giống nhiễm, các chân ruộng gieo dày, bón thừa đạm...; Nhện gié, bệnh lúa von, thối thân thối bẹ... khả năng phát sinh gây hại một số vùng.

1.2. Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu DTN giảm dần, gây hại cục bộ một số vùng trồng muộn.

1.3. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi trong đó bệnh chết chậm có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ổ dịch.

1.4. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Rệp các loại, bệnh thán thư, khô cành, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, không chú trọng công tác phòng trừ sâu bệnh.

1.5. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ, loét sọc mặt cao tiếp tục gây hại trên các vườn; bệnh phấn trắng tiếp tục gây hại các vùng.

1.6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục lây lan trên diện rộng, hại nặng những vùng đã bị bệnh các năm trước; bộ phận, nhện đỏ phát sinh gây hại nhiều nơi.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong tháng tới

2.1. Trên cây lúa

- Phun thuốc phòng bệnh đạo ôn cổ bông trước và sau khi lúa trổ 5-7 ngày bằng các loại thuốc có hoạt chất *Fenoxanil + Isoprothiolane*, *Propiconazole + Tricyclazole*, *Fenoxanil + Tricyclazole*, *Tricyclazole*,... như: Map Famy 35SC, Filia 525SE, Beam 75WP, Ninja 35EC,... Đặc biệt chú ý trên những vùng bị nhiễm đạo ôn lá chưa được phòng trừ hoặc phòng trừ chưa tốt, vùng ổ dịch, vùng gieo trồng giống nhiễm, vùng ruộng gieo dày, bón thừa đạm...

- Kiểm tra và phun thuốc phòng trừ bệnh khô vằn để hạn chế bệnh lây lan ra diện rộng bằng các loại thuốc có hoạt chất *Validamycin A*, *Hexaconazole* như Validan, Vivadamy, Anvil... Có thể sử dụng các loại thuốc phổ rộng có hoạt chất *Hexaconazole + Tricyclazole*, *Azoxystrobin + Difenoconazole*, *Difenoconazole + Propiconazole*,... như Newtec, Amistar Top... để phòng trừ nhóm bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt, khô vằn.

- Khoanh vùng, kịp thời phun thuốc trừ rầy ở những nơi có mật độ từ 750-1.000 con/m² trở lên; tăng cường diệt chuột bằng nhiều biện pháp để hạn chế chuột gây hại, ưu tiên các biện pháp thủ công (*Tuyệt đối nghiêm cấm dùng biện pháp kích điện để diệt chuột*).

Chú ý: Không nên phun thuốc khi lúa đang phơi màu; cần đảm bảo thời gian cách ly của từng loại thuốc để đảm bảo an toàn cho nông sản.

2.2. Trên cây ngô: Những nơi đã bị sâu keo mùa thu gây hại sau khi thu hoạch xong cần tiến hành tiêu hủy toàn bộ tàn dư cây ngô; làm sạch cỏ dại xung quanh vườn trồng ngô để hạn chế nơi trú ẩn của sâu keo mùa thu; làm đất kỹ rồi phơi đất khô để ấu trùng, nhộng trong đất chết hoặc dễ dàng bị thiên địch tiêu diệt.

2.3. Trên cây hồ tiêu: Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh... Đối với bệnh chết nhanh cần thu gom tàn dư cây bị

bệnh mang ra khỏi khu vực vườn và đốt tiêu hủy, xử lý đất tại các gốc tiêu bị bệnh bằng vôi bột, tăng cường sử dụng các loại chế phẩm sinh học để phòng bệnh.

2.4. Trên cây cà phê: Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh đảm bảo dinh dưỡng cho cây thời kỳ ra hoa - đậu quả.

2.5. Trên cây cao su: Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mủ, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên miệng cạo và vết xì mủ bằng các loại thuốc đặc hiệu để tránh lây lan nhiều nơi. Phun thuốc phòng trừ bệnh phấn trắng không để bệnh gây hại nặng.

2.6. Trên cây sắn: Điều tra, khoanh vùng bị nhiễm bệnh khảm lá virus, tập trung diệt trừ bọ phấn môi giới, xử lý cây bị bệnh không để lây lan ra diện rộng. Tăng cường bón phân và phun phân bón lá để tạo điều kiện cho cây phát triển. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như rệp sáp bột hồng, nhện đỏ, bệnh chổi rồng... để có biện pháp xử lý hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Q Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG THÁNG

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh diện tích nhiễm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Trở - chín - thu hoạch)													
1	Chuột	5-10	20-22			816	638	144	34	0	+816	-202	500	H. Lăng, Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, Đ. Hà
2	Đạo ôn lá	7-10	25-40		3-5	660	397	204	59	0	+18	+306	1.610	
3	Sâu cuốn lá nhỏ	5-10	15			220	205	15	0	0	+168	-14	50	
4	Khô vằn	20-25	40-45		1-3	573	391	169	13	0	+573	+6	1.000	
5	Rầy các loại	500-800	2.000-3.000		3-5	27	20	6,5	0,5	0	+27	+15	5	H. Lăng, Đ. Hà
6	Lem lép hạt	5-10	15		1	120	120	0	0	0	+120	0	3.000	H. Lăng, G. Linh
II	Cây ngô (Rrở cờ, phun râu - PT bắp - thu hoạch)													
1	Sâu keo mùa thu	1-4	5-6		1-5	25	20	5	0	0	+2	-48	0	C. Lộ, Đakrông
III	Cây Hồ tiêu (PT quả)													
1	Chết chậm	5-10	15-20		1-3	142	125	17	0	0	+5	-16	10	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	5-10			1	19	17	2	0	0	-4	-4	0	V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1	209	182	25	2	0	-20	-50	30	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	149	129	20	0	0	0	-26	12	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		3	89	73	16	0	0	0	-6	0	C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-2	21	15	6	0	0	+5	-24	10	Hướng Hóa
IV	Cây cà phê (Ra hoa - đậu quả)													
1	Khô cành	10-15	60		1-2	795	505	200	90	0	0	+60	0	Hướng Hóa
2	Thán thư	15-20	50		1-3	665	380	195	90	0	-10	+105	50	
3	Rệp	5-10	25		1-2	130	85	35	10	0	+60	-65	0	

4	Rỉ sắt	10-30	70		1-3	695	410	215	70	0	-73	-45	50	
V	Cây cao su (Ra lá mới)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-2		275	232	38	5	-21	+73	20	C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mù	5-10	15		1-2		148	131	17	0	-8	+7	15	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
3	Phân trắng	10-15	20-30				632	527	105	0	+272	-833	0	C. Lộ, G. Linh, V. Linh
VI	Cây sắn (Phát triển thân lá)													
1	Khảm lá virus	5-10	30-40	70-80			900	325	385	190	+205	+801	0	H. Lăng, TX. Quảng Trị, Tr. Phong, C. lộ, G. Linh, V. Linh, Đakrông